

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HS-ST
Ngày: 21-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Luông

Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1998 tại Long An.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Bình T, thành phố T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn H, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An (có mặt).

- Bị hại: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1970 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của gia đình người bị hại: Chị Hồ Thị Kim N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018 và ngày 06/9/2018) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trường L, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Phường 17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Châu Bích D, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

3. Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M không có giấy phép lái xe theo quy định pháp luật. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/5/2018, M điều khiển xe mô tô biển số 62R1-2608 phía sau chở Nguyễn Trường L lưu thông trên đường H, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An, hướng từ đường H1 ra đường H2, đi đến đoạn gần trước trụ đèn số 06 trên đường H, M cho xe mình đang điều khiển vượt lên và va chạm vào xe mô tô biển số 62F3-0592 do Hồ Văn T điều khiển đang lưu thông cùng chiều làm cho tai nạn xảy ra. Hậu quả làm cho ông T bị thương nặng, ông T được đưa đến Bệnh viện đa khoa Long An cấp cứu và sau đó tử vong.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 14 giờ 50 phút ngày 02/5/2018 do Công an thành phố T, tỉnh Long An lập xác định: Hiện trường của vụ tai nạn không còn nguyên vẹn do quá trình cấp cứu nạn nhân. Hiện trạng của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn được xác định tại gần trụ điện số 06, đường H, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An. Đường H là trục đường thẳng, mặt đường bê tông rải nhựa, khô ráo, bằng phẳng, giữa đường có chôn mép đường bên trái đường H theo hướng H1 ra H2 là mép đường chuẩn; chôn trụ điện số 6 bên phải đường H theo hướng H1 ra H2 làm điểm mốc, ghi nhận như sau:

- Vị trí số 1 là vết cày đứt dài 3,80m, đầu vết cày cách mép đường chuẩn 05m, cách điểm mốc là 6,6m, cuối vết cày nằm ngay tại vị trí góc chân trước bên trái của xe mô tô 62F3-0592.

- Vị trí số 2 là vết cày dài 14m, đầu vết cày cách mép đường chuẩn 04m, cách đầu vết cày 1 là 2,7m. Cuối vết cày nằm ngay góc chân trước bên trái xe mô tô 62R1-2608.

- Vị trí số 3 là xe mô tô 62F3-0592 ngã nghiêng sang trái, đầu xe hướng về đường H1, hình chiếu tâm đầu trục bánh xe trước cách mép đường chuẩn 4,3m và hình chiếu tâm đầu trục bánh xe sau cách mép đường chuẩn 4,8m.

- Vị trí số 4 là xe mô tô 62R1-2608 ngã nghiêng sang trái, đầu xe hướng về mép đường bên phải đường H, hình chiếu tâm đầu trục bánh trước và bánh sau của xe cách mép đường chuẩn lần lượt là 1,35m và 0,15m.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả hai xe mô tô nói trên cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Châu Bích D và bà Huỳnh Thị Kim L, các đương sự không yêu cầu gì khác.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 128/TT ngày 16/5/2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Long An đã kết luận: Hồ Văn T chết do chấn thương sọ não nặng.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 86/CT-VKSTA ngày 18/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An truy tố Nguyễn Văn M về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo và đại diện người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản khám nghiệm hiện trường và Kết luận giám định nêu trên.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M với mức hình phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời gian thử thách là 05 năm.

Ông Lê Văn H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An bào chữa cho bị cáo cho rằng: Việc truy tố, xét xử bị cáo M về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại và bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự (BL18a), bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là con duy nhất và là lao động chính trong gia đình, mẹ đã bỏ đi khi bị cáo mới 01 tuổi. Hiện nay, cha của bị cáo bị bệnh bại liệt nằm một chỗ không có người thân nuôi dưỡng, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn thuộc diện hộ nghèo, hàng tháng phải nhận trợ cấp của chính quyền địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo M biết hành vi điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe là vi phạm pháp luật, khi lái xe bị cáo điều khiển cho xe mình vượt lên không có tín hiệu gây ra tai nạn làm cho bị hại chết, lỗi dẫn đến tai nạn là do bị cáo. Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan, bị cáo ăn năn hối cải xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc cho cha.

PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 02/5/2018, bị cáo M không có giấy phép lái xe theo quy định đã điều khiển xe mô tô biển số 62R1-2608 lưu thông trên đường H, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An, đến đoạn gần trước trụ đèn số 06 trên đường H, Phường 3, bị cáo M cho xe mình vượt lên không có tín hiệu báo đã va chạm với xe mô tô 62F3-0592 do Hồ Văn T điều khiển cùng chiều làm cho tai nạn xảy ra. Hậu quả làm cho ông T tử vong.

Hành vi của bị cáo M đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ và Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo M đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, như cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo M gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ được pháp luật bảo vệ. Bị cáo điều khiển xe mô tô không chấp hành Luật Giao thông đường bộ, không có giấy phép lái xe

theo quy định, vượt xe khác cùng chiều không báo tín hiệu đã vi phạm vào các quy định của Luật Giao thông đường bộ, bị cáo đã gây ra tai nạn hậu quả làm chết một người. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt một mức án nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau tai nạn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại. Trong quá trình điều tra, đại diện bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc hộ nghèo, cha bị khuyết tật với tỷ lệ 81%, bị cáo là con duy nhất, lao động chính trong gia đình. Đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như nêu trên, bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình thức lỗi gây ra tai nạn là lỗi vô ý, hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, cha bị bệnh nặng nằm một chỗ cần phải có người chăm sóc hàng ngày, hàng tháng phải hưởng trợ cấp của chính quyền địa phương nên đủ điều kiện áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách mà không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Ngoài ra, trong vụ án này, Nguyễn Trường L là người trực tiếp giao xe mô tô biển số 62R1-2608 cho Nguyễn Văn M điều khiển nhưng L không biết M không có giấy phép lái xe nên L không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 264 Bộ luật Hình sự.

[7] Về phân trách nhiệm dân sự: Sau tai nạn, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét đề cập.

[8] Về vật chứng trong vụ án: Xe mô tô biển số 62F3-0592 và xe mô tô biển số 63F3-0592 đã được giao trả cho các chủ sở hữu hợp pháp là bà Châu Bích D và bà Huỳnh Thị Kim L, các chủ sở hữu này không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn M 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Bình T, thành phố T, tỉnh Long An là nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An; (01)
- Viện KSND tỉnh Long An; (01)
- VKSND tp Tân An; (01)
- Công an tp Tân An; (01)
- Chi cục THADS tp Tân An; (01)
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú; (01)
- Sở Tư pháp tỉnh Long An; (01)
- Bị cáo; (01)
- Dương sự; (04)
- Người bào chữa (01)
- Bộ phận THA hình sự; (07)
- Lưu: hồ sơ vụ án, AV. (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng